

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2097/SGD&ĐT-ĐTBD

Cao Bằng, ngày 21 tháng 11 năm 2022

V/v chuẩn bị nội dung đón và làm việc với
Đoàn công tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi: Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố.
(gọi chung là các đơn vị)

Thực hiện công văn số 6014/BGDĐT-GDĐT, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc kiểm tra công tác xóa mù chữ, kiểm tra công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ và tổ chức hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Sở GD&ĐT hướng dẫn các đơn vị triển khai một số nội dung sau:

- Lịch công tác kiểm tra của Bộ GD&ĐT tại tỉnh Cao Bằng là 02 ngày, từ ngày 28/11 đến ngày 29/11/2022;

- Nội dung kiểm tra: Tình hình triển khai công tác xóa mù chữ; Kiểm tra công tác chỉ đạo, tổ chức hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.

- Sở GD&ĐT yêu cầu Các đơn vị chuẩn bị nội dung phục vụ công tác kiểm tra cụ thể như sau:

+ Đối với phòng GD&ĐT các huyện, thành phố chuẩn bị nội dung báo cáo theo đề cương gửi kèm (phụ lục 1);

+ Phòng chỉ đạo các trung tâm học tập cộng đồng chuẩn bị nội dung báo cáo về công tác tổ chức hoạt động của trung tâm theo đề cương gửi kèm (Phụ lục 2).

Thời gian các đơn vị gửi báo cáo về Sở GD&ĐT chậm nhất 15h00 ngày 27 tháng 11 năm 2022. Kế hoạch chi tiết đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác, Sở GD&ĐT sẽ thông báo sau.

Trên đây là hướng dẫn chuẩn bị nội dung phục vụ Đoàn kiểm tra của Bộ GD&ĐT, Sở đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về Sở (phòng Đào tạo bồi dưỡng) theo số điện thoại 026.3852220 để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
 - Website Sở;
- Lưu: VT, ĐTBD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lục Văn Dương

Phụ lục 1
BÁO CÁO

**Đánh giá thực trạng công tác xóa mù chữ và tổ chức hoạt động của các
Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn**

PHẦN I.

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XMC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC
TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG**

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Phân tích những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện công tác XMC và tổ chức hoạt động của các TTHTCĐ của địa phương.

**B. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ VÀ
TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG**

1. Công tác chỉ đạo, quản lý của các cấp chính quyền địa phương, của ngành giáo dục (thông qua các văn bản chỉ đạo) về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

2. Thống kê các số liệu về

2.1. Số xã/phường/thị trấn

2.2. Số TTHTCĐ xã/phường/thị trấn;

Trên địa bàn tỉnh có 161 TTHTCĐ/161 xã, phường, thị trấn.

2.3. Số dân trong độ tuổi từ 15-35 và 15-60 (theo tổng số/nữ/người dân tộc thiểu số)

- Tổng dân số độ tuổi từ 15 – 35 là 191.484 người, trong đó:

- Tổng dân số độ tuổi từ 15 – 60 là 362.841 người, trong đó:

2.4. Số người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 và 15-60 (theo tổng số/nữ/người dân tộc thiểu số);

- Độ tuổi 15 – 35, trong đó:

+ Số người biết chữ..., tỷ lệ...;

+ Số nữ biết chữ...., tỷ lệ;

+ Số dân tộc thiểu số biết chữ....., tỷ lệ..... (số dân tộc thiểu số mù chữ....., tỷ lệ.....);

+ Số nữ dân tộc thiểu số biết chữ, tỷ lệ (nữ dân tộc thiểu số mù chữ, chiếm tỷ).

- Độ tuổi 15 – 60, trong đó:

+ Số người biết chữ..., tỷ lệ...;

+ Số nữ biết chữ...., tỷ lệ;

+ Số dân tộc thiểu số biết chữ....., tỷ lệ..... (số dân tộc thiểu số mù chữ....., tỷ lệ.....);

+ Số nữ dân tộc thiểu số biết chữ, tỷ lệ (nữ dân tộc thiểu số mù chữ, chiếm tỷ).

2.5. Số người tái mù chữ trong độ tuổi từ 15-35 và 15-60 (theo tổng số/nữ/người dân tộc thiểu số).

- Độ tuổi 15 – 35, trong đó:
 - + Số người tái mù chữ, chiếm tỷ lệ
 - + Số nữ tái mù chữ, chiếm tỷ lệ.....;
 - + Số dân tộc tái mù chữ, chiếm tỷ lệ
- Độ tuổi 15 – 60, trong đó:
 - + Số người tái mù chữ, chiếm tỷ lệ
 - + Số nữ tái mù chữ, chiếm tỷ lệ.....;
 - + Số dân tộc tái mù chữ, chiếm tỷ lệ

2.6. Số học viên theo học các lớp XMC; số học viên được công nhận hoàn thành chương trình XMC hoặc chương trình XMC giai đoạn 1 (theo tổng số/nữ/người dân tộc thiểu số)

Đối với công tác mở lớp xóa mù chữ:

- Độ tuổi 15 – 35:
 - + Tổng số học viên người, chiếm tỷ lệ
 - + Số học viên nữ người, chiếm tỷ lệ.....;
 - + Dân tộc thiểu số người, chiếm tỷ lệ.....;
- Độ tuổi 15 – 60:
 - + Tổng số học viên người, chiếm tỷ lệ
 - + Số học viên nữ người, chiếm tỷ lệ.....;
 - + Dân tộc thiểu số người, chiếm tỷ lệ.....;

2.7. Số học viên theo học các chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; số học viên được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ hoặc chương trình XMC giai đoạn 2 (theo tổng số/nữ/người dân tộc)

- Độ tuổi 15 – 35:
 - + Tổng số học viên người, chiếm tỷ lệ
 - + Số học viên nữ người, chiếm tỷ lệ.....;
 - + Dân tộc thiểu số người, chiếm tỷ lệ.....;
- Độ tuổi 15 – 60:
 - + Tổng số học viên người, chiếm tỷ lệ
 - + Số học viên nữ người, chiếm tỷ lệ.....;
 - + Dân tộc thiểu số người, chiếm tỷ lệ.....;

2.8. Tỷ lệ đạt chuẩn xóa mù chữ theo các mức độ của đơn vị các cấp (quận/huyện; xã/phường)

- Đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 đơn vị, chiếm tỉ lệ, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt tỷ lệ
- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ:

2.9. Hoạt động của các TTHTCD xã/phường.

- Tham mưu ban hành và ban hành văn bản chỉ đạo
- Thực hiện Chương trình XMC và Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; Chương trình GDTX đáp ứng yêu cầu người học cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ; Chương trình giáo dục kỹ năng sống; các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn hoặc thay đổi nghề nghiệp cho người lao động; các chương

trình về thể thao, văn hóa văn nghệ, và một số nội dung khác do địa phương xây dựng.

- Số lượng người tham gia học tập tại TTHTCĐ:

+ Năm học 2019 – 2020:

+ Năm học 2020 – 2021:

+ Năm học 2021 – 2022:

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động (về nhân lực: Ban giám đốc và giáo viên được cử về làm việc tại TTHTCĐ; về kinh phí: triển khai thực hiện Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các TTHTCĐ và huy động nguồn lực thông qua xã hội hóa; về cơ sở vật chất: trụ sở riêng, phòng làm việc riêng, thiết bị, máy tính nối mạng internet).

- Kết quả đánh giá, xếp loại TTHTCĐ:

+ Năm học 2019-2020:.....;

+ Năm học 2020 – 2021:.....;

+ Năm học 2021 – 2022:.....

- Hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ với xã hội

C. CÁC GIẢI PHÁP/BIỆN PHÁP ĐÃ TRIỂN KHAI NHẪM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÓA MÙ CHỮ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TTHTCĐ

1. Các giải pháp đã triển khai

2. Những khó khăn, hạn chế cần tiếp tục tháo gỡ.

PHẦN II.

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU XMC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TTHTCĐ GIAI ĐOẠN 2023-2030

1. Mục tiêu của giai đoạn 2023-2030.

2. Các chỉ tiêu, kế hoạch và biện pháp thực hiện của từng năm.

- Các chỉ tiêu

- Kế hoạch và biện pháp thực hiện

PHẦN III.

NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU XMC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TTHTCĐ GIAI ĐOẠN 2023-2030

Các đề xuất, kiến nghị tập trung vào các nội dung sau:

1. Việc tăng cường chỉ đạo của các cấp nhằm duy trì, củng cố và nâng cao kết quả XMC, tổ chức hoạt động của các TTHTCĐ;

2. Cơ chế quản lý, phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể có liên quan trong công tác XMC, tổ chức hoạt động của các TTHTCĐ từ TƯ đến địa phương;

3. Cơ chế tài chính để thực hiện nhiệm vụ XMC, tổ chức hoạt động của các TTHTCĐ (chế độ, chính sách, định mức chi trả cho giáo viên/học viên; kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các TTHTCĐ theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);

4. Việc kết hợp/phối hợp hoạt động giữa TTHTCĐ với trung tâm văn hóa - thể thao xã.

Phụ lục 2
BÁO CÁO
Đánh giá thực trạng công tác tổ chức hoạt động
Trung tâm học tập cộng đồng

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác tổ chức, triển khai, thực hiện Kế hoạch hoạt động, các văn bản phối hợp thực hiện, ...
2. Đánh giá chung hoạt động của các TTHTCĐ
 - Ưu điểm;
 - Tồn tại, hạn chế;
 - Nguyên nhân tồn tại, hạn chế;
 - Các giải pháp, biện pháp khắc phục.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG
NĂM HỌC 2019 – 2020 ĐẾN NĂM HỌC 2021 - 2022

1. Tiêu chuẩn 1 - Công tác chỉ đạo, tổ chức quản lý

- Tổng số CBQL TTHTCĐ:

STT	Họ và tên	Chức vụ kiêm nhiệm tại TTHTCĐ	Số điện thoại

- Ưu điểm
- Tồn tại, hạn chế
- Kết quả điểm đánh giá đạt được

2. Tiêu chuẩn 2 - Điều kiện thực hiện các chương trình, hoạt động

- Đánh giá về cơ sở vật chất; trang thiết bị, phương tiện; tài liệu, học liệu phục vụ học tập; đội ngũ giáo viên/HDV

- Tổng kinh phí được cấp cho TTHTCĐ hoạt động (từ ngân sách nhà nước, kinh phí do xã hội hóa, kinh phí do học viên tự nguyện đóng góp,...)

- Năm 2020:

+ Số kinh phí đã chi:, Trong đó:

Kinh phí chi hoạt động thường xuyên:

Kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm:

+ Số kinh phí còn dư:.....

- Năm 2021:

+ Số kinh phí đã chi:, Trong đó:

Kinh phí chi hoạt động thường xuyên:

Kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm:

+ Số kinh phí còn dư:.....

- Tổng kinh phí được cấp cho TTHTCĐ hoạt động (từ ngân sách nhà nước, kinh phí do xã hội hóa, kinh phí do học viên tự nguyện đóng góp,...) năm 2022:

+ Số kinh phí đã chi đến thời điểm báo cáo:, Trong đó:

Kinh phí chi hoạt động thường xuyên (đến thời điểm báo cáo tháng 11/2022):

Kinh phí chi phụ cấp kiêm nhiệm (đến thời điểm báo cáo tháng 11/2022):

+ Số kinh phí còn dư:.....

- Ưu điểm:

- Tồn tại, hạn chế:

3. Tiêu chuẩn 3 - Tổ chức hoạt động

- Đánh giá chung việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Ưu điểm:

- Tồn tại, hạn chế:

- Kết quả điểm đánh giá đạt được:

4. Tiêu chuẩn 3 - Kết quả, hiệu quả hoạt động

- Số lượng các chuyên đề chuyển giao khoa học, kỹ thuật công nghệ, tập huấn, tuyên truyền, ...

STT	Chương trình các lớp triển khai	Số lượt học viên tham gia	Tổng số Báo cáo viên	Trong đó		
				Số Báo cáo viên thuộc ngành giáo dục	Báo cáo viên thuộc cơ quan, đơn vị phối hợp tổ chức	
					Số lượng	Đơn vị
01	Các lớp XMC và GDTTSKBC					
02	Lớp nghề ngắn hạn (Nghề.....)					
03	Lớp chuyên đề:...					
04	Lớp Giáo dục kỹ năng sống					
05	Các lớp thuộc chương trình khác					
					

- Ưu điểm:

- Tồn tại, hạn chế:

- Kết quả điểm đánh giá đạt được:

* Kết quả đánh giá bằng điểm các tiêu chuẩn, tiêu chí về hoạt động của TTHTCĐ năm học 2021 - 2022 theo "Phiếu đánh giá trung tâm học tập cộng đồng" (gửi kèm báo cáo).

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC 2022 – 2023 và các năm tiếp theo

1. Mục tiêu

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo
2. Đối với UBND tỉnh
3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động của TTHTCĐ.....